Nhằm hỗ trợ học sinh trong quá trình học môn Địa lý lớp 12 hiệu quả nhất, chúng tôi xin giới thiệu các bạn tham khảo **bộ tài liệu câu hỏi trắc nghiệm trắc nghiệm bài 24 Địa lý 12: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp.** Giúp học sinh ôn tập, làm quen dạng bài trắc nghiệm. Nội dung chi tiết các em xem dưới đây.

Bộ 29 bài tập trắc nghiệm Địa Lí 12 Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp

(NGÀNH THỦY SẢN)

Câu 1: Hai tỉnh chiếm gần một nửa diện tích mặt nước đã sử dụng để nuôi trồng thủy sản ở nước ta là:

A. Cà Mau, Kiên Giang.

B. Bạc Liêu, Bến Tre.

C. Cà Mau, Bạc Liêu.

D. Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Câu 2: Điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là:

A. có nhiều sông ngòi.

B. có hệ thống đầm phá.

C. có các ao hồ.

D. hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Câu 3: Vùng nuôi tôm lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác?

A. Nghệ An.

B. Quảng Bình.

C. Bình Định.

D. Bạc Liêu.

Câu 5: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết, tỉnh Quảng Bình có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp ở mức là:

A. Dưới 5 %.

B. Từ 5 – 10%.

C. Từ trên 10 đến 20%.

D. Từ trên 20 đến 30%.

Câu 6: Ngư trường trọng điểm nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là:

A. Cà Mau – Kiên Giang.

B. Quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.

C. Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.

D. Hải Phòng – Quảng Ninh.

Câu 7: Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là:

A. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.

B. vùng biển có nguồn lợi hải sản khá phong phú.

C. thị trường trong và ngoài nước về thủy sản mở rộng.

D. có nhiều khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 8: Phát biểu nào không đúng với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta hiện nay là:

A. Sản lượng khai thác ngày càng tăng.

B. Đẩy mạnh phát triển đánh bắt xa bờ.

C. Nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất.

D. Khai thác thủy sản nội địa là chủ yếu.

Câu 9: Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển mạnh nhất ở là:

A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

Câu 10: Khó khăn đối với ngành thuỷ sản ở một số vùng ven biển là:

A. thiếu lực lượng lao động.

B. nguồn lợi thuỷ sản suy giảm.

C. không tiêu thụ được sản phẩm.

D. không có phương tiện đánh bắt.

Câu 11: Giải pháp quan trọng nhất để phát triển đánh bắt xa bở ở nước ta:

A. Tăng cường tàu thuyền có công suất lớn, trang bị hiện đại.

B. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

C. Ngăn chặn đánh bắt bằng chất nổ, xung điện, lưới mắc nhỏ.

D. Xây dựng và nâng cấp các cảng biển, nhà máy chế biến.

Câu 12: Vùng vừa có thế mạnh về chăn nuôi trâu bò, vừa có thế mạnh về đánh bắt thủy sản:

A. Tây Nguyên.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 13: Thuận lợi chủ yếu cho việc nuôi trồng thuỷ sản là:

A. Bờ biển dài và vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng.

B. Dọc bờ biển có bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn.

C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

D. Có nhiều ao hồ, sông ngòi, các ô trũng.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thuỷ sản ở nước ta trong giai đoạn 2000 - 2015

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
2000	2250,9	1660,9	590,0
2010	5142,7	2414,4	2728,3
2012	5820,7	2705,4	3115,3
2015	6582,1	3049,9	3532,2

Theo số liệu ở bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thuỷ sản của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2015?

A. Tổng sản lượng thuỷ sản tăng gấp 5,5 lần trong giai đoạn 2000 – 2015.

B. Sản lượng thuỷ sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thuỷ sản nuôi trồng.

C. Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng tăng nhanh và vượt sản lượng thuỷ sản khai thác trong giai đoạn 2010 – 2015.

D. Sản lượng thuỷ sản khai thác luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản của nước ta.

Câu 15: Năng suất lao động của hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta còn thấp chủ yếu là do

A. Môi trường biển bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản suy giảm.

B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu.

C. Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế.

D. Tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt còn chậm được đổi mới.

(NGÀNH LÂM NGHIỆP)

Câu 1: Ở nước ta, vùng diễn ra tình trạng chặt phá rừng và cháy rừng nghiêm trọng nhất hiện nay là:

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết phần lớn diện tích rừng ngập mặn ven biển nước ta tập trung chủ yếu ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở vùng nào nước ta?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 4: Rừng phòng hộ thường tập trung ở khu vực nào?

A. Đồng bằng, ven biển.

B. Hạ lưu các con sông.

C. Thượng nguồn sông, ven biển.

D. Trên các đảo.

Câu 5: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào có tỉ lệ rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60%?

A. Ninh Thuận.

B. Lâm Đồng.

C. Quảng Trị.

D. Yên Bái.

Câu 6: Ý nghĩa kinh tế của rừng được biểu hiện ở việc

A. điều hòa khí hậu và hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.

B. bảo vệ đất, ngăn cản quá trình xói mòn rửa trôi.

C. cung cấp nhiều lâm sản và các dược liệu.

D. bảo vệ đa dạng sinh học.

Câu 7: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết đâu là vườn quốc gia nằm trên đảo?

A. Xuân Thủy.

B. Cát Bà.

C. Cát Tiên.

D. Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 8: Căn cứ vào bản đồ Lâm nghiệp ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất vùng Bắc Trung Bộ là:

A. Quảng Bình.

B. Thừa Thiên – Huế.

C. Hà Tĩnh.

D. Nghệ An.

Câu 9: Ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ nước ta vì:

A. rừng có nhiều giá trị về kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái.

B. nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến ở tất cả các vùng.

C. 3/4 diện tích là đồi núi và có vùng rừng ngập mặn ở ven biển.

D. độ che phủ rừng tương đối lớn và đang có xu hướng tăng lên.

Câu 10: Các xí nghiệp chế biến gỗ và lâm sản thường phân bố ở

A. đồng bằng, ven biển.

B. các thành phố lớn.

C. vùng đông dân cư.

D. gần các vùng nguyên liệu.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động trồng rừng ở nước ta

A. Mỗi năm, cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung.

B. Mỗi năm có hàng nghìn ha rừng bị chặt phá và bị cháy.

C. Rừng trồng chỉ có rừng sản xuất.

D. Rừng trồng chủ yếu là rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

Câu 12: Nhận định không đúng về vai trò của tài nguyên rừng là:

A. rừng là tài nguyên vô cùng quý giá nên cần phải triệt để khai thác.

B. rừng cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp và xuất khẩu.

C. trồng rừng tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

D. góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 13: Dọc duyên dải miền Trung, phổ biến loại rừng nào?

A. Rừng sản xuất.

B. Rừng đầu nguồn.

C. Rừng đặc dụng.

D. Rừng ven biển.

Câu 14: Các xí nghiệp chế biến gỗ và lâm sản tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ do

A. có nguồn nguyên liệu phong phú.

B. giao thông thuận tiện.

C. gần thị trường tiêu thụ.

D. tận dụng nguồn lao động.

Đáp án bộ 29 câu hỏi Địa 12 Bài 24 trắc nghiệm: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp

(NGÀNH THỦY SẢN)

Câu 1:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Cả nước đã sử dụng hơn 850 nghìn ha diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản, trong đó 45% thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.

Câu 2:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Đầm phá là vùng nước ở cửa sông ven biển → có môi trường nước lợ.

⇒ Thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ

⇒ Chọn B

-Các ao hồ, sông ngòi, kênh rạch là môi trường nuôi trồng thủy sản nước ngọt

⇒ Loại đáp án A, C, D

Câu 3:

Đáp án cần chọn là: B

Giải thích:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nuôi tôm lớn nhất cả nước.

Câu 4:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlat Địa lí Viêt Nam trang 20:

B1. Nhận biết kí hiệu sản lượng thủy sản khai thác (cột màu hồng) và nuôi trồng (cột màu xanh)

B2. Xác định được:
- tỉnh Bạc Liêu có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn khai thác (cột màu xanh cao hơn).

- Các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Bình Định có sản lượng thủy sản nuôi trồng thấp hơn khai thác (cột màu xanh thấp hơn)

⇒ Loại đáp án A, B, C

Câu 5:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 20:

B1. Nhận biết kí hiệu *giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp*

B2. Xác định vị trí tỉnh Quảng Bình và tìm ra giá trị sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp ở mức từ **trên 20 đến 30%** (nền màu hồng nhạt nhất).

Câu 6:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Xác định từ khóa: **ngư trường nằm ngoài khơi xa**

⇒ Ngư trường trọng điểm nằm ngoài xa khơi là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Câu 7:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Xác định từ khóa: **thuận lợi về kinh tế - xã hội**

⇒ Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là thị trường ngoài nước về thủy sản mở rộng

- Đáp án A, B, D là những thuận lợi về điều kiện tự nhiên.

Câu 8:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Xác định từ khóa: **thuận lợi về kinh tế - xã hội**

⇒ Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là thị trường ngoài nước về thủy sản mở rộng

- Đáp án A, B, D là những thuận lợi về điều kiện tự nhiên.

Câu 9:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Nghề nuôi cá nước ngọt cũng phát triển đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Câu 10:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Do khai thác quá mức kết hợp với nhiều hình thức khai thác trái phép (như nổ mìn..), ô nhiễm môi trường biển đã làm cho nguồn lợi thủy sản ven bờ bị suy giảm

⇒ Đây là khó khăn mà các địa phương vùng ven biển nước ta đang phải đối mặt.

Câu 11:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Đánh bắt xa bờ đòi hỏi phương tiện đánh bắt hiện đại, tàu thuyền công suất lớn để có thể đi xa và khai thác nguồn lợi ở vùng biển sâu.

- Tuy nhiên ở nước ta phương tiện đánh bắt còn thô sơ, cần chi phí đầu tư về vốn lớn để đổi mới phương tiện hiện đại

⇒ Khó khăn cần giải quyết khi đánh bắt xa bở ở nước ta là: Tăng cường tàu thuyền có công suất lớn, trang bị hiện đại.

Câu 12:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Vùng có thế mạnh cả về chăn nuôi trâu bò và đánh bắt thủy sản là Trung du miền núi Bắc Bộ. Nhờ có địa hình miền núi với các đồng cỏ lớn; vùng biển Quảng Ninh có nguồn lợi hải sản lớn (ngư trường trọng điểm Hải Phòng – Quảng Ninh).

Câu 13:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Xác định từ khóa " thuận lợi cho nuôi trồng"

⇒ các bãi triều đầm phá, cánh rừng ngập mặn là những môi trường hết sức thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ.

Câu 14:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Xét lần lượt các đáp án:
- Tổng sản lượng thủy sản tăng: 6582.1/ 2250.9 = 2,92 lần

⇒ Nhận xét A: tổng sản lượng thủy sản tăng 5,5 lần ⇒ Sai

- Thủy sản khai thác tăng: 3049,9 / 1660,9 = 1,84 lần.

- Thủy sản nuôi trồng tăng: 3532,2 / 590,0 = 6 lần

⇒ Nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác (6> 1,84)

⇒ Nhận xét B: *Sản lượng thuỷ sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thuỷ sản nuôi trồng* ⇒ Sai

- Nhận xét D.*Sản lượng thuỷ sản khai thác luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản của nước ta* ⇒ Sai

- Nhận xét C: *Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng tăng nhanh và vượt sản lượng thuỷ sản khai thác trong giai đoạn 2010 – 2015.* **⇒ Đúng**

Câu 15:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Vùng biển nước ta còn nhiều tiềm năng ở khu vực xa bờ.

Tuy nhiên do phương tiện tàu thuyền còn lạc hậu nên hoạt động đánh bắt xa bờ cũng như khả năng khai thác con yếu kém

⇒ Năng suất khai thác thấp.

(NGÀNH LÂM NGHIỆP)

Câu 1:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Mỗi năm nước ta có hàng nghìn ha rừng bị chặt phá và cháy, nghiêm trọng nhất là ở Tây Nguyên.

Câu 2:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12:

B1. Xem kí hiệu rừng ngập ở bảng chú giải.

B2. Xác định các khu vực phân bố:

Kí hiệu rừng ngập mặn được thể hiện nhiều nhất ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

⇒ rừng ngập mặn ven biển nước ta tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 12:

B1. Xem kí hiệu rừng ôn đới núi cao ở bảng chú giải (màu xanh tím than)

B2. Xác định các khu vực phân bố:

Kí hiệu rừng ôn đới núi cao chỉ thể hiện ở khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn (thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ)

⇒ Ở nước ta, rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 4:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

- Rừng phòng hộ bao gồm các khu rừng đầu nguồn, rừng chắn cát ven biển, rừng ngập mặn.

- Dọc theo các lưu vực sông lớn là các khu rừng đầu nguồn có tác dụng rất lớn đối với việc điều hòa nước sông, chống lũ, chống xói mòn. Các cánh rừng ven biển có tác dụng chắn sóng, hạn chế nạn cát bay, cát chảy.

Câu 5:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 20:
B1. Xác định kí hiệu màu thể hiện: *tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% (màu xanh lá đậm nhất)*

B2. Xác định được khu vực có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% là Lâm Đồng.

Câu 6:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Ý nghĩa kinh tế của rừng là cung cấp nhiều lâm sản và các dược liệu

⇒ Đáp án C đúng

- Các đáp án A, B, D là ý nghĩa về bảo vệ môi trường tự nhiên và sự đa dạng sinh học.

⇒ Loại A, B, D

Câu 7:

Đáp án cần chọn là: **B**

Giải thích:

B1. Xem kí hiệu vườn quốc gia ở Atlat trang 3.

B2.Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 12

⇒ Xác định vị trí các vườn quốc gia đã cho: Xuân Thủy nằm trên vùng đất thuộc tỉnh Nam Định, Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng, Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc tỉnh Quảng Bình.

⇒ Cả 3 vườn quốc gia này đều nằm trên đất liền. ⇒ loại A, C, D

⇒ Vườn quốc gia Cát Bà nằm trên đảo Cát Bà (Hải Phòng)

Câu 8:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Căn cứ vào bản đồ Lâm nghiệp ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 20:

B1.

- Nhận dạng kí hiệu thể hiện giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2007 của các tỉnh là các cột màu hồng.

- Xác định phạm vi vùng Bắc Trung Bộ (dựa vào Atlat trang 27)

B2. Tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất vùng Bắc Trung Bộ là Nghệ An (kí hiệu cột màu hồng cao nhất).

Câu 9:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Nước ta có ¾ diện tích là đồi núi và có vùng rừng ngập mặn ven biển.

⇒ độ che phủ rừng lớn, hầu hết các vùng lãnh thổ ở miền núi phía Tây và cả vùng đồng bằng ven biển đều phát triển ngành lâm nghiệp

⇒ Do vậy, lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết vùng lãnh thổ nước ta.

Câu 10:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Các xí nghiệp gỗ và lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu từ gỗ.

⇒ Vì vậy chúng phân bố chủ yếu ở gần các vùng nguyên liệu.

Câu 11:

Đáp án cần chọn là: **C**

Giải thích:

Diện tích trồng rừng nước ta chủ yếu là rừng sản xuất (gồm rừng làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, rừng thông nhựa) và rừng phòng hộ.

⇒ Đáp án C: *Rừng trồng chỉ có rừng sản xuất* ⇒ Không đúng

Câu 12:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Xác định từ khóa "không đúng về vai trò"

- Vai trò của rừng là: cung cấp nguyên liệu cho các ngành sx chế biến gỗ; tăng thu nhập, bảo vệ môi trường sinh thái (hạn chế lũ lụt thiên tai, xói mòn, điều hòa khí hậu, giữ nước...)

⇒ Nhận định B, C, D thể hiện đúng vai trò của rừng ⇒ Loại

- Nhận định A chưa chính xác

Câu 13:

Đáp án cần chọn là: **D**

Giải thích:

Dọc bờ biển Duyên hải miền Trung có nhiều bãi cát lớn → thường xảy ra hiện tượng cát bay, cát chảy; mặt khác sóng biển cũng dễ gây sạt lở bờ biển.

⇒ Cần trồng rừng phòng hộ ven biển để chắn cát, hạn chế ảnh hưởng của sóng biển, hiện tượng sạt lở bờ biển.

Câu 14:

Đáp án cần chọn là: **A**

Giải thích:

Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ là 2 vùng có diện tích rừng còn lại lớn nhất ở nước ta.

⇒ tạo nguồn nguyên liệu phong phú

⇒ là cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản.